

(5/8/1844) tại làng Ngân Câu, tổng Thanh Quýt, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Điện Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

Năm 24 tuổi, ông đỗ Cử nhân khoa Mậu Thìn (1868). Năm Đinh Hợi (1875), ông đỗ Tiến sĩ, sau đó vào thi Đình đỗ Đình nguyên nên được gọi là Hoàng giáp Tiến sĩ. Ông là người đỗ cao nhất trong lịch sử khoa bảng miền Nam nước ta, là một trong 6 người được mệnh danh là “Lục phụng bất tề phi” của đất Quảng Nam gồm: Phạm Phú Thứ (Tiến sĩ), Phan Châu Trinh, Nguyễn Duy Hiệu (cùng Phó bảng), Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng (cùng Tiến sĩ) và Phạm Như Xương (Hoàng giáp).

Ông làm quan trải qua các chức ở các bộ, viện trong triều rồi thăng đến chức Bố chính Phú Yên nên người đời còn gọi ông là Bố Ngân Câu. Năm 1884, sau khi triều đình Huế ký Hòa ước Giáp Thân, ông liên kết với nghĩa quân của Mai Xuân Thưởng đứng lên chống Pháp tại vùng núi tỉnh Phú Yên. Cuộc khởi nghĩa đã bị quân Pháp, quân triều đình đàn áp và tới năm 1888 bị thất bại nặng nề. Ông bị triều đình bắt đưa về Huế kết án “Trảm giam hậu” và xóa tên ông trên văn bia Tiến sĩ ở Văn miếu Quốc Tử Giám. Sau khi vua Thành Thái lên ngôi (1889), vốn là người yêu nước nên nhà vua đã ân xá cho Phạm Như Xương. Một thời gian sau, ông được phục chức và sung vào Tu thư ở Quốc Tử

Giám, sau đó lại cử ông ra Nghệ An giữ chức Tri phủ phủ Anh Sơn. Vào thời điểm này, ông có 2 dấu ấn đặc biệt. Thứ nhất, ông chính là người làm quan chủ khảo trong cuộc thi có Phan Bội Châu (khi đó mang tên Phan Văn San) dự thi và ông đã đánh giá rất cao về tài năng của Phan Bội Châu.

Kỳ thi ở phủ Anh Sơn lần đó, sau khi Phan Văn San làm bài đạt loại ưu và được chọn vào phúc hạch với 6 học sinh khác để định thứ bậc cao thấp, cả sáu người kia đã vào thi được một lúc thì Phan Văn San mới tới. Hoàng giáp Phạm Như Xương lúc đó làm Chánh chủ khảo yêu cầu Phan Văn San phải làm đề riêng với nội dung: “Hoa nở bất cập xuân” (Hoa nở không kịp mùa xuân), có ý trách Phan Văn San đến muộn. Nhận đề, Phan Văn San đặt bút viết ngay bốn câu thơ:

(Tạm dịch)

Nhờ chúa xuân lưu ý,

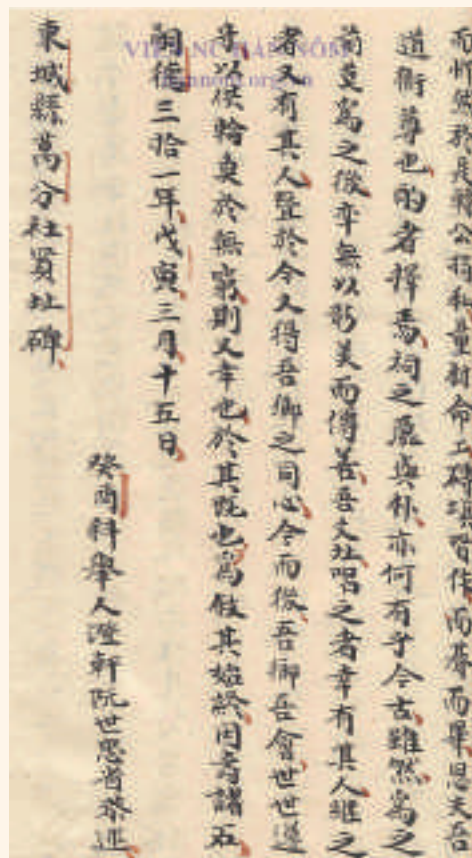
Cho đứng đầu trăm hoa.

Chỉ vì lòng khiêm tốn,

Nên chỉ nở dần dà!

Phan Văn San viết xong 4 câu thơ này, Chánh chủ khảo Phạm Như Xương liếc mắt nhìn qua và: “Chỉ cần 4 câu mở đầu thế này là dư sức đỗ đầu xứ rồi, không phải làm thêm nữa!”.

Sau này, Hoàng giáp Phạm Như Xương là một trong những người ủng hộ các phong trào yêu nước do Phan Bội Châu lãnh đạo, đặc biệt trong tổ chức Việt Nam Quang Phục hội, Hoàng giáp Phạm Như Xương giữ vai trò cố vấn. Các con trai của ông cũng là những người tham gia vào các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp vào đầu thế kỉ XX như Phạm Như Chương, Phạm Như



Văn bia chùa Phúc Long trong sách “Hoan Châu bi ký”



Chùa Phúc Long hôm nay

Giáp, Phạm Như Đình...

Xét về khoa cử, Hoàng Giáp Phạm Như Xương là người có học vị cao nhất trong lịch sử xứ Quảng (và cả toàn miền Nam), xét về quan trường ông lại là người đại trí thức song toàn giữa chính sự và quân sự. Cuộc đời làm quan yêu nước, thương dân nhiều lần đứng lên chống giặc Pháp xâm lược, được đồng liêu quý mến, nhân dân ngưỡng vọng. Ông còn là tác giả của nhiều tác phẩm văn học có giá trị lịch sử.

Trong thời gian làm quan tại Nghệ An, Hoàng giáp Phạm Như Xương đã có dịp tới thăm mảnh đất Vạn Phần và đã soạn bài văn này, cho khắc bia đặt tại chùa Phúc Long. Bên cạnh đó, ông còn là tác giả của văn bia nhà thờ hiền tài xã Vạn Phần (東城縣萬汾社賢址碑).

Điều đáng nói là Hoàng giáp Phạm Như Xương nổi tiếng thơ văn nhưng vì ông và con trai tham gia khởi nghĩa Duy Tân thất bại, sách vở bị tịch thu nên hiện nay các trước tác của ông đều thất lạc. Việc tìm thấy hai tác

phẩm văn học của ông tại Nghệ An, cũng như giai thoại giữa ông và cụ Phan, phần nào thấy được những tình cảm mà ông dành cho đất và người nơi đây. Điều này càng làm cho chúng ta cảm thấy tự hào khi lưu giữ được dấu ấn của một danh nhân lịch sử nổi tiếng như vậy.

Với những di vật còn sót lại và nội dung bài

văn bia đã chứng minh chùa Phúc Long tại xã Diễn Vạn là một di tích lịch sử có từ lâu đời, gắn với nhiều nhân vật và sự kiện lịch sử quan trọng. Chùa Phúc Long không đơn thuần chỉ là một ngôi chùa Phật giáo, mà nó còn là một chứng tích gắn với những dấu ấn văn hóa mang đậm đặc trưng vùng quê biển Vạn Phần xưa. Trải qua nhiều biến cố thời gian và thăng trầm của lịch sử, ngôi chùa hoang phế, bia đá vỡ nát, câu đối hoen rêu, nhưng Đại đức Thích Thuận Chơn cùng chính quyền địa phương và đông đảo nhân dân khắp nơi chung tay xây dựng lại uy nghiêm, hùng vĩ như trước. Đặc biệt hơn là những giá trị được gây dựng từ ngàn xưa không trôi vào quên lãng, khi di vẫn còn đó, tích chưa mất đi và vẫn vẫn còn đang lưu giữ. Tất cả đã tái hiện vẻ thâm nghiêm cổ kính của ngôi chùa cổ Phúc Long, trở thành một mạch nguồn tâm linh muôn đời của người dân xứ Vạn. □

Chú thích

1. Đây là niên hiệu ngụy tạo. Niên hiệu thực của văn bia là Thành Thái.



RỒNG

VÀ RỒNG TRIỀU LÝ - TRẦN QUA MỘT SỐ HIỆN VẬT PHÁT HIỆN Ở XỨ NGHỆ

□ ĐÀO TAM TỈNH*



Hình tượng rồng được dùng làm đề tài khá phổ biến trong các nền nghệ thuật cổ trên thế giới. Hình ảnh, hình dáng rồng được thể hiện trong nghệ thuật mang ý nghĩa riêng và theo quan điểm riêng của từng nước, từng châu lục, thậm chí đối lập nhau. Rồng ở phương Tây đại diện cho cái ác, cái xấu, thì ngược lại rồng ở phương Đông lại đại diện cho cái thiện và cho vật linh thiêng đáng kính trọng.

Hình tượng rồng ở Trung Quốc tượng

trưng cho thần linh quan trọng, đầy sức mạnh, hình thái đẹp đẽ, giương nanh múa vuốt vùng vẫy giữa mây nước, đầy vẻ anh hùng. Nó còn tượng trưng cho sự đầy đủ, thịnh vượng, vươn lên mạnh mẽ. Nó là biểu hiện của vua chúa đứng đầu đất nước, là nhà cầm quyền, một thực thể thực sự có quyền năng thống trị, là vị thần bảo trợ quốc gia.

Rồng ở nước ta được tượng trưng cho sự cao quý linh thiêng. Nó là con vật đứng đầu “tứ linh” (bốn con vật linh thiêng: long, ly, quy, phượng). Nó thường được chạm ở những nơi linh thiêng, với hình dáng rất trang trọng và tượng trưng cho quyền lực của nhà vua. Nó

* Hội cổ vật sông Lam



Gạch hình Rồng thời Lý tại Di tích đền Huyện (Xuân Giang, Nghi Xuân, Hà Tĩnh)

cũng tượng trưng cho điềm lành, cho sự phồn thịnh. Từ xưa nó được coi như là vật tổ của cư dân trồng lúa nước. Người dân nước ta có tục thờ thần rồng (giao long) và thần rắn với ước mong là thần sẽ phù hộ mang lại mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, ấm no, hạnh phúc. Con rồng ở Việt Nam qua tư liệu dân gian có nguồn gốc từ xa xưa. Truyền thuyết nói rằng người Việt là “Con Rồng, cháu Tiên” và không phải vô cớ khi Thượng hoàng Trần Nhân Tông, năm 1290 đã dặn con mình khi tổ chức xăm trở hình rồng:

Tháng 8, Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh.

Thượng hoàng có lần ngự cung Trùng Quang, vua đến châu, Quốc công Quốc Tuấn đi theo. Thượng hoàng nói:

“Nhà ta vốn là người hạ lưu (thủy tổ người Hiên Khánh), đời đời chuộng dưng cảm, thường xăm hình rồng vào đùi. Nếp nhà theo nghề võ, nên xăm rồng vào đùi để tỏ là không quên gốc” (Đại Việt sử ký toàn thư.- H., KHXH, 1998,- Tr. 77).

Các nhà khảo cổ học và khoa học cho rằng tổ tiên con rồng Việt với tên gọi là thuồng

lồng hoặc giao long. Rất có thể con cá sấu được cách điệu trên các đồ đồng Đông Sơn, thạp Đào Thịnh, qua đồng núi Voi... như là hình tượng rồng vật tổ để thờ của người Việt thời sơ sử. Suốt thời kỳ Bắc thuộc hình tượng rồng ngày càng rõ và xuất hiện trên nhiều hiện vật cổ còn để lại đến ngày nay: Một đôi trên trán bia Trường Xuân, Thanh Hóa (năm 618), một đôi trên quả chuông Thanh Mai, Hà Nội (năm 798), một đôi trên quai chuông thời Ngô ở thôn Nhật Tảo, Hà Nội và một con rồng đá xám to lớn ở Bắc Ninh có niên đại 948... Hình tượng rồng càng tiêu biểu và xuất hiện ngày càng nhiều trên các công trình kiến trúc cung đình, đền đài, miếu mạo, chùa chiền, nhà thờ... và vô số các đồ vật, vật dùng kể từ thời nhà Lý cho đến triều Nguyễn. Do hoàn cảnh xã hội thay đổi qua các triều đại và sức sáng tạo đổi mới cho phù hợp với thời đại của các nghệ nhân mà hình tượng rồng cứ thay đổi dần ý nghĩa cũng như hình dáng bố cục và các thành phần kết cấu.

Hoa văn hình rồng triều Lý luôn có một kiểu dáng nhất quán, cho dù những di tích cách nhau hàng trăm cây số và thời gian cách nhau hàng trăm năm thì hình rồng không có